

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SEN PHƯƠNG ĐÔNG PLUS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SEN PHƯƠNG ĐÔNG PLUS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SEN PHUONG DONG PLUS TRADING AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SEN PHUONG DONG PLUS TAS., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108327184

**3. Ngày thành lập:** 15/06/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3 ngách 53/7 phố Vũ Xuân Thiều, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02422124386

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                               | 0163     |
| 2.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh                                                                | 0118     |
| 3.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | 5621     |
| 4.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép<br>Bán buôn hàng may mặc                                                 | 4641     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa      | 8299     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                  | 0161     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                   | 0162     |
| 8.  | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                 | 0164     |
| 9.  | Khai thác thủy sản biển                                                                                       | 0311     |
| 10. | Khai thác thủy sản nội địa                                                                                    | 0312     |
| 11. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                      | 0321     |
| 12. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                   | 0322     |
| 13. | Sản xuất giống thủy sản                                                                                       | 0323     |
| 14. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                       | 1020     |
| 15. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu                                                                               | 0128     |
| 16. | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp                                                                        | 0130     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Bán buôn thủy sản<br>Bán buôn rau, quả<br>Bán buôn cà phê<br>Bán buôn chè<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột                                                                                                                                                                                               | 4632(Chính) |
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br><br>- Cơ sở bán buôn thuốc | 4649        |
| 19. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4722        |
| 20. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4620        |
| 21. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5610        |
| 22. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4771        |
| 23. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4774        |
| 24. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1410        |
| 25. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1430        |
| 26. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6820        |

|     |                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp<br>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) | 7730 |
| 28. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                         | 4610 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                 | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG   | Số 3 Hàng Bông, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                          | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 50,000    | B5683132                                                                                    |         |
|     |                   |                                                                                                                      | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THÚY ANH   | Số 3 Mã Mây, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                            | Cổ phần phổ thông | 120.000    | 1.200.000.000         | 20,000    | 0011660086<br>15                                                                            |         |
|     |                   |                                                                                                                      | Tổng số           | 120.000    | 1.200.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN TOẢN   | Số 87 đường Cổ Linh, tổ 7, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                              | Cổ phần phổ thông | 60.000     | 600.000.000           | 10,000    | 011557441                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                                      | Tổng số           | 60.000     | 600.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
| 4   | TRẦN THỊ KIM NGÂN | Số nhà 15A ngách 765/115A/12, tổ 8, đường Vũ Xuân Thiều, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 120.000    | 1.200.000.000         | 20,000    | 0011660038<br>16                                                                            |         |
|     |                   |                                                                                                                      | Tổng số           | 120.000    | 1.200.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/06/1966

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B5683132

Ngày cấp: 11/08/2011

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3 Hàng Bông, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 3 ngách 53/7 phố Vũ Xuân Thiều, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội